

VĂN PHÒNG CƠ QUAN CSĐT
BỘ CÔNG AN - VỤ THỰC HÀNH
QUYỀN CÔNG TỐ VÀ KIỂM SÁT ĐIỀU
TRA ÁN MA TÚY VKSNDTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2010 /HDLN

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2021

V/v giải đáp vướng mắc trong quá trình
giải quyết các vụ án, vụ việc tạm đình
chỉ, vụ việc tạm dừng giải quyết.

Kính gửi: - Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ngày 10/11/2020, Bộ Công an và Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã tổ chức Hội nghị liên ngành triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT ngày 01/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, quy định phối hợp thực hiện một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự về quản lý, giải quyết các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ (*Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT*); trong đó, có nội dung giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong quá trình giải quyết các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ, vụ việc tạm dừng giải quyết và việc thực hiện Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT; Văn phòng Cơ quan CSĐT Bộ Công an (C01) và Vụ 4 - Viện kiểm sát nhân dân tối cao giải đáp vướng mắc như sau:

I. Vướng mắc trong việc giải quyết vụ việc tạm đình chỉ, tạm dừng giải quyết.

1. Đề nghị hướng dẫn giải quyết đối với những tố giác, tin báo về tội phạm đã tạm dừng giải quyết theo Quy trình tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố trong Công an nhân dân ban hành kèm theo Quyết định số 1319/QĐ-BCA-C41 ngày 20/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an. (*Bến Tre, Hải Phòng, Lạng Sơn, Vĩnh Long, Nghệ An, Hà Tĩnh, Hải Dương, Sóc Trăng*)

Giải đáp:

Khoản 6 Điều 5 Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT quy định cụ thể: “*Đối với những tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đã tạm dừng giải quyết trước khi Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành thì cơ quan có thẩm quyền điều tra, chủ động trao đổi, thống nhất bằng văn bản với Viện kiểm sát rà soát, phân loại, xử lý như sau:*

a) *Đối với những vụ việc đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự;*

b) Đối với những vụ việc còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì tiến hành giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố”.

Như vậy, những vụ việc đã tạm dừng giải quyết theo Quyết định số 1319/QĐ-BCA-C41, Cơ quan điều tra cần chủ động trao đổi, thống nhất bằng văn bản với Viện kiểm sát. Đối với vụ việc đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Đối với những vụ việc còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì Cơ quan điều tra phối hợp với Viện kiểm sát cùng cấp tiến hành rà soát lại căn cứ tạm dừng giải quyết và xử lý như sau:

+ Những vụ việc có căn cứ tạm đình chỉ việc giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng hình sự, Cơ quan điều tra ra Quyết định tạm đình chỉ và tiến hành quản lý, theo dõi theo quy định của Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT.

+ Những vụ việc không có căn cứ tạm đình chỉ việc giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng hình sự, Cơ quan điều tra ra Quyết định phục hồi việc giải quyết nguồn tin về tội phạm và tiến hành giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, thời hạn giải quyết được tính từ thời điểm ra Quyết định phục hồi. Việc ra Quyết định phân công mới chỉ đặt ra khi những người được phân công trước đây không thể tiếp tục giải quyết (nghỉ hưu, thay đổi vị trí công tác...).

2. Thực tiễn một số tố giác, tin báo về tội phạm hết thời hạn giải quyết nhưng Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để ra Quyết định khởi tố hoặc Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, cũng không có căn cứ tạm đình chỉ việc giải quyết theo khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng hình sự như: người tố giác không đồng ý đi giám định thương tích; người tố giác, người bị tố giác không chấp hành giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, bỏ đi khỏi địa phương...

Đề nghị hướng dẫn việc áp dụng căn cứ pháp luật trong Quyết định tạm đình chỉ đối với các tố giác, tin báo về tội phạm tạm đình chỉ việc giải quyết theo Quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16 Thông tư số 28/2020/TT-BCA ngày 26/3/2020 của Bộ Công an quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của lực lượng Công an nhân dân (trường hợp hết thời hạn giải quyết mà chưa đủ căn cứ để ra một trong ba quyết định khởi tố, không khởi tố hoặc tạm đình chỉ). Một số trường hợp Viện kiểm sát không đồng ý với quan điểm của Cơ quan điều tra do đây là Thông tư của Bộ Công an, không phải Thông tư liên tịch của liên ngành (Cục Cảnh sát hình sự, Bắc Giang, Bắc Kạn, Bến Tre, Bình Dương, Điện Biên, Kiên Giang, Lạng Sơn, Phú Thọ, Ninh Thuận, Sơn La, Vĩnh Phúc,

Vũng Tàu, Nghệ An, Hậu Giang).

Giải đáp:

Trường hợp người bị tố giác không ở nơi cư trú, không biết họ ở đâu thì cần có văn bản thông báo truy tìm để phát hiện và triệu tập, lấy lời khai làm rõ những vấn đề có liên quan đến nội dung tố giác. Điều tra viên tiến hành các hoạt động thu thập thông tin, tài liệu, đồ vật; áp dụng biện pháp cưỡng chế dẫn giải *Người làm chứng, Người bị hại, Người bị tố giác* theo quy định tại Điều 127 Bộ luật Tố tụng hình sự; tinh thần chung là phải quyết liệt trong giải quyết vụ việc.

Điểm b khoản 3 Điều 16 Thông tư 28/2020/TT-BCA ngày 26/3/2020 quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của lực lượng Công an nhân dân quy định:

Trường hợp hết thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố nhưng chưa đủ căn cứ để ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, mà cũng không có những căn cứ để tạm đình chỉ việc giải quyết thì báo cáo lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp để đề xuất Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra có văn bản trao đổi với Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để thống nhất quan điểm giải quyết.

Về nguyên tắc, trường hợp hết thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố nhưng chưa đủ căn cứ để ra quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết thì phải ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự theo nguyên tắc có lợi cho người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố. Tuy nhiên, trong thực tiễn một số trường hợp nhạy cảm về chính trị, xã hội, nếu ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự ngay sẽ có phản ứng trong dư luận. Trong trường hợp này, liên ngành tố tụng cùng cấp thụ lý giải quyết vụ việc cần họp bàn thống nhất hướng xử lý, nhưng vẫn phải đảm bảo việc tạm đình chỉ phải có căn cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

3. Thực tiễn một số tố giác, tin báo về tội phạm không đủ căn cứ để xác định thuộc tội danh nào, chưa xác định được đó là tin báo Giết người, Cố ý gây thương tích hay tự sát (*thường xảy ra ở các vụ chết chưa rõ nguyên nhân, thời gian chết đã lâu, tử thi bị phân hủy, biến dạng...chưa xác định được nhân thân của nạn nhân cũng như nguyên nhân chết*), không xác định được thời điểm tội phạm xảy ra (thường xảy ra ở một số vụ án kinh tế) do vậy khó khăn trong việc xác định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự (*Kon Tum, Phú Thọ*).

Giải đáp:

Cơ quan tiến hành tố tụng địa phương phản ánh không đủ thông tin cần thiết để giải đáp. Vì vậy, về nguyên tắc khi tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác phải phân loại, xác định được tính chất vụ việc có phải là tố giác, tin báo về tội phạm

hay không? Sau đó mới xem xét xác định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với trường hợp tố giác, tin báo về tội phạm không xác định được thời điểm tội phạm xảy ra (án kinh tế), cần căn cứ vào hồ sơ, tài liệu thu thập được và thống nhất với Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để xác định thời điểm xảy ra tội phạm. Nếu không xác định được rõ thời điểm xảy ra tội phạm thì thời hiệu được tính từ khi phát hiện tội phạm.

4. Một số vụ việc khi Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định, tuy nhiên cơ quan giám định từ chối giám định nhưng không có văn bản trả lời, không cho lập biên bản về việc từ chối giám định (*Bắc Giang*).

Giải đáp:

Cần phải xem xét, làm rõ lý do từ chối giám định có thuộc những trường hợp do Luật Giám định tư pháp quy định hay không? Điều 23, 24 Luật Giám định tư pháp quy định về quyền, nghĩa vụ của người giám định tư pháp, tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp; trong đó tại điểm c khoản 2 Điều 23 quy định: *Người giám định tư pháp có nghĩa vụ thực hiện và trả kết luận giám định đúng thời hạn yêu cầu.*

Trường hợp từ chối tiếp nhận trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp thì phải thông báo cho cơ quan trưng cầu giám định bằng văn bản và nêu rõ lý do trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trưng cầu giám định, trừ trường hợp pháp luật quy định thời hạn ngắn hơn (điểm d khoản 2 Điều 24 Luật Giám định tư pháp năm 2012, sửa đổi bổ sung năm 2020).

Trường hợp người giám định từ chối giám định không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì tùy mức độ vi phạm có thể bị cơ quan tiến hành tố tụng xử lý theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Tố tụng hình sự hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Đối với trường hợp nêu trên, trước mắt Cơ quan điều tra có văn bản kiến nghị người đứng đầu cơ quan, tổ chức giám định hoặc cấp trên của cơ quan, tổ chức đó xem xét, xử lý.

5. Đề nghị liên ngành hướng dẫn quá trình giải quyết một tố giác, tin báo về tội phạm được tạm đình chỉ giải quyết bao nhiêu lần? (*Tuyên Quang*).

Giải đáp: Bộ luật Tố tụng hình sự không quy định số lần tạm đình chỉ giải quyết đối với tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Việc tạm đình chỉ, phục hồi giải quyết đối với tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố cần phải thực hiện đúng quy định tại Điều 148, Điều 149 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

II. Vương mắc trong việc giải quyết vụ án tạm đình chỉ

6. Đối với các vụ án tạm đình chỉ điều tra đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; trong trường hợp đồng chí Phó Thủ trưởng được phân công đã nghỉ hưu hoặc chuyển đơn vị công tác khác, thì thẩm quyền ký Quyết định đình chỉ điều tra vụ án như thế nào? (*Bạc Liêu, Kiên Giang, Hậu Giang*)

Giải đáp:

Trong trường hợp đồng chí Phó Thủ trưởng được phân công đã nghỉ hưu, chuyển công tác, đồng chí Thủ trưởng Cơ quan điều tra trực tiếp ký Quyết định đình chỉ điều tra hoặc Thủ trưởng có văn bản phân công Phó Thủ trưởng khác giải quyết vụ án.

7. Vụ án tạm đình chỉ do bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo chỉ cần có giấy chứng nhận của Hội đồng giám định pháp y theo Điều 160 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 quy định thì vụ án đó tạm đình chỉ. Tuy nhiên, theo quy định của Điều 229 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 thì những trường hợp bị can tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo phải có kết luận giám định tư pháp mới được tạm đình chỉ; những trường hợp này đến nay chưa có văn bản hướng dẫn.

Giải đáp:

Giấy chứng nhận của Hội đồng giám định pháp y trong hồ sơ vụ án được tạm đình chỉ điều tra trước ngày 01/01/2018 (thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003) đến nay vẫn có giá trị pháp lý, vì Giấy chứng nhận của Hội đồng giám định pháp y được cấp tại thời điểm Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 đang có hiệu lực.

8. Đối với các vụ án tạm đình chỉ thuộc Chương tội phạm xâm phạm sở hữu như: Trộm cắp tài sản; cướp; cướp giật... Đối tượng phạm tội có hành vi lén lút, nhanh chóng tẩu thoát gây khó khăn trong việc xác định trị giá tài sản bị chiếm đoạt, vì chỉ xác định trị giá tài sản qua lời khai của bị hại (*Đông Tháp*).

Giải đáp:

Về việc xác định trị giá tài sản do Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận; Điều 15, Nghị định 30/2018/NĐ-CP ngày 7/3/2018 của Chính Phủ (Nghị định 97/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 30/2018/NĐ-CP) quy định về căn cứ định giá tài sản trong đó khoản 1 Điều 15 nêu rõ: "*Việc định giá tài sản không phải là hàng cấm phải dựa trên ít nhất một trong các căn cứ sau:*

- a) *Giá thị trường của tài sản;*
- b) *Giá do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định;*
- c) *Giá do doanh nghiệp thẩm định giá cung cấp;*

d) Giá trong tài liệu, hồ sơ kèm theo tài sản cần định giá (nếu có);

đ) Các căn cứ khác về giá hoặc giá trị của tài sản cần định giá”

Điều 17 Nghị định 30 quy định về phương pháp định giá tài sản đối với một số trường hợp cụ thể, như:

(1) Tài sản bị mất, thất lạc; tài sản bị hủy hoại, hư hỏng toàn bộ và không có khả năng khôi phục lại như tình trạng trước khi bị hủy hoại, hư hỏng thì Hội đồng định giá xác định giá của tài sản theo hồ sơ của tài sản trên cơ sở các thông tin, tài liệu thu thập được về tài sản cần định giá.

(2) Tài sản là hàng giả: Hội đồng định giá xác định tài sản theo giá của hàng thật hoặc giá của tài sản tương tự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

(3) Tài sản không mua bán phổ biến trên thị trường; tài sản là kim khí quý, đá quý, di vật, cổ vật hoặc vật có giá trị văn hóa, tôn giáo, khảo cổ, kiến trúc, lịch sử thì Hội đồng định giá xác định giá trị tài sản dựa trên kết quả giám định, ý kiến đánh giá của cơ quan có thẩm quyền và chuyên gia về lĩnh vực này hoặc giá trị ghi trong hồ sơ, tài liệu của tài sản.

Quá trình điều tra, lấy lời khai bị hại, Điều tra viên cần chú ý làm rõ về đặc điểm, nguồn gốc, giá trị ban đầu của tài sản, thu thập các tài liệu liên quan đến tài sản đó (như: hóa đơn mua bán, các tài liệu đi kèm khi mua tài sản, đối với tài sản là ô tô, xe máy cần thu thập đăng ký xe, sổ đăng kiểm, bảo hiểm, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường...), lấy lời khai những người biết về tài sản bị thiệt hại... để làm cơ sở cho việc định giá tài sản. Những thông tin, tài liệu này là cơ sở để Hội đồng định giá xác định giá trị tài sản.

9. Các vụ án xâm phạm sở hữu trước đây khi khởi tố vụ án hình sự không ra Quyết định trưng cầu giám định giá trị tài sản thiệt hại (ngày 02/3/2005 mới có Nghị định số 26/2005 của Chính phủ về định giá tài sản trong tố tụng hình sự) nên gặp khó khăn trong việc phân loại, xác định loại tội phạm, không xác định được giá trị tài sản bị thiệt hại, do đó không có căn cứ xác định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự (Hà Tĩnh).

Giải đáp:

Vấn đề này đã được quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT, cụ thể là:

... “~~Trường hợp Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can chỉ ghi điều luật, không ghi khoản và quá trình điều tra chưa chứng minh, làm rõ được hành vi phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản nào của điều luật đó thì việc xác định thời hiệu căn cứ vào khung hình phạt trong cấu thành cơ~~

bản của điều luật đó”.

Do vậy, trong các trường hợp vụ án xâm phạm sở hữu, không xác định được trị giá tài sản bị chiếm đoạt thì việc xác định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự căn cứ vào khung hình phạt trong cấu thành cơ bản của tội phạm đó.

10. Một số vụ án tạm đình chỉ, thời gian đã quá lâu, do thay đổi chế độ hồ sơ, cán bộ luân chuyển công tác, nhiều đồng chí nghỉ hưu; Một số địa phương do có sự thay đổi (tách, nhập) về địa giới hành chính, quá trình lưu trữ, bảo quản đối với các hệ thống sổ sách theo dõi các vụ án tạm đình chỉ điều tra còn nhiều tồn tại, thiếu sót, có đơn vị hệ thống sổ sách bị thất lạc... nên một số vụ án tạm đình chỉ chưa tìm thấy hồ sơ hoặc không rõ số đăng ký nộp lưu.

Một số vụ án tạm đình chỉ điều tra có nhiều tồn tại vi phạm về tố tụng như: không có Quyết định tạm đình chỉ điều tra trong hồ sơ, người ký quyết định tố tụng theo quy định phải có phân công hoặc ủy quyền nhưng không có tài liệu này trong hồ sơ; vật chứng thu giữ không rõ ai quản lý hoặc đã bị thất lạc; bị can có nhân thân không chính xác về tuổi, địa chỉ... ; nhân chứng, người liên quan sau khi phục hồi điều tra đã chuyển đi nơi khác nhưng không xác định được địa chỉ, không rõ nhân thân hoặc không nhớ rõ tình tiết vụ việc; hiện trường vụ án không còn... nên việc khắc phục rất hạn chế, thậm chí không thể khắc phục được (*Bắc Ninh, Bình Phước, Hải Phòng, TP Hồ Chí Minh*).

Giải đáp:

Những trường hợp như trên, Điều tra viên, Kiểm sát viên cùng nghiên cứu hồ sơ vụ án, đề xuất quan điểm với lãnh đạo liên ngành về việc giải quyết đối với từng vụ án, vụ việc cụ thể để khắc phục những tồn tại, thiếu sót này.

Những vụ án tạm đình chỉ điều tra đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì ra Quyết định đình chỉ điều tra mà không phải ra Quyết định phục hồi điều tra theo khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT. Nếu xác định vụ án có lý do để hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra và vẫn còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì ra Quyết định phục hồi theo khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT và tiến hành giải quyết theo quy định. Đối với các trường hợp vụ án, vụ việc tạm đình chỉ điều tra bị thất lạc hồ sơ, Cơ quan điều tra cần phối hợp với các đơn vị chức năng (Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ, Viện kiểm sát, Tòa án cùng cấp...), liên hệ các đồng chí được phân công thụ lý, giải quyết vụ việc, vụ án trước đây... để tổ chức truy tìm hồ sơ bị thất lạc. Mặt khác, cần làm rõ trách nhiệm của lãnh đạo, Điều tra viên, Cán bộ điều tra trong quá trình điều tra, giải quyết vụ việc, vụ án để xử lý theo quy định của ngành.

Liên ngành thống nhất quyết định; quyết định này là quyết định cá biệt áp

dụng đối với từng vụ việc, vụ án cụ thể.

11. Vụ án tạm đình chỉ có đối tượng phạm tội là người nước ngoài gặp khó khăn do đối tượng truy nã là người nước ngoài đã trốn về nước, tuy nhiên, giữa Việt Nam và quốc gia đó chưa ký kết hiệp định tương trợ tư pháp do vậy khó khăn trong công tác truy bắt đối tượng, phục hồi điều tra giải quyết vụ án (*Kon Tum, Huế*).

Giải đáp:

Đối với các vụ án nêu trên, Cơ quan thụ lý phải lập hồ sơ ủy thác tư pháp theo nguyên tắc có đi có lại. Tùy từng vụ án để yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thực hiện tương trợ tư pháp như: thu thập, cung cấp chứng cứ ở nước được yêu cầu để giải quyết vụ án hình sự tại Việt Nam hoặc ủy thác tư pháp truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đang ở nước ngoài mà người đó mang quốc tịch. Cơ quan điều tra cần có văn bản đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ 13) để xem xét, có Công hàm trao đổi, đôn đốc Cơ quan có thẩm quyền nước ngoài sớm giải quyết, trả lời.

12. Theo điểm b khoản 2 Điều 13 Thông tư 32/2013/TT-BCA-C41 ngày 12/6/2013 của Bộ Công an quy định: “Hồ sơ chuyên án, vụ án hình sự có quyết định tạm đình chỉ điều tra sau 02 năm nếu chưa có căn cứ phục hồi được nộp lưu. Đơn vị nghiệp vụ phải thường xuyên rà soát chuyên án, vụ án tạm đình chỉ, khi có căn cứ phục hồi điều tra được rút hồ sơ để sử dụng lại”. Tuy nhiên, đối với những vụ án tạm đình chỉ khi hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, hồ sơ đã nộp lưu thì chưa có quy định về việc có được rút hồ sơ để làm thủ tục đình chỉ vụ án hay không, dẫn đến khó khăn trong công tác hồ sơ (những vụ án hết thời hiệu thì ra Quyết định đình chỉ, không phải phục hồi điều tra) (*Phú Thọ, Thanh Hóa, Hậu Giang*).

Giải đáp:

Về thời hạn nộp lưu hồ sơ: điểm b khoản 2 Điều 17 Thông tư số 60/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020 của Bộ Công an quy định công tác hồ sơ nghiệp vụ CAND, quy định “*Hồ sơ vụ án hình sự khi bản án có hiệu lực pháp luật phải nộp lưu trong thời hạn không quá 03 tháng; khi có Quyết định tạm đình chỉ, sau 01 năm nếu chưa có căn cứ phục hồi được nộp lưu*”.

Về việc rút hồ sơ: điểm đ khoản 2 Điều 17 Thông tư 60/2020/TT-BCA nêu trên, quy định “*Đơn vị nghiệp vụ phải thường xuyên rà soát chuyên án, vụ án hình sự tạm đình chỉ, khi có căn cứ phục hồi điều tra được rút hồ sơ để sử dụng lại*”.

Đối với những vụ việc tạm đình chỉ chưa có hướng dẫn về thời hạn nộp lưu và việc rút hồ sơ để sử dụng lại. Về việc này, Văn phòng Cơ quan CSĐT Bộ Công an sẽ đề nghị Cục Hồ sơ nghiệp vụ sớm có văn bản hướng dẫn thực hiện.

13. Đối với các vụ án khởi tố theo Điều 231 Bộ luật hình sự năm 1999 (Tội phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia) sau đó ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án (chủ yếu là hành vi trộm cắp đường dây cáp viễn thông, thiết bị đường sắt). Đến nay, pháp luật quy định công trình quan trọng về an ninh quốc gia phải thuộc danh mục được Chính phủ phê duyệt. Do vậy, khó khăn trong việc xác định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự (*Phú Thọ, Hà Nam*).

Giải đáp:

Việc xác định công trình quan trọng về an ninh quốc gia căn cứ quy định tại điểm 2 Công văn số 99 ngày 01/7/2009 của Tòa án nhân dân tối cao về việc thi hành một số quy định của các văn bản quy phạm pháp luật.

Ngày 20/8/2009, Tòa án nhân dân tối cao có Công văn số 144/TANDTC về việc xác định công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, có hướng dẫn: “...*Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát phải yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 126/2008/NĐ-CP hoặc cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị đưa công trình vào danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia quy định tại Điều 10 của Nghị định kết luận là công trình đó có đủ tiêu chí xác định công trình thuộc danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia hay không. Nếu kết luận...là công trình đó có đủ tiêu chí của công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và đủ các yếu tố khác cấu thành tội phạm thì truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm quy định tại Điều 231 của Bộ luật Hình sự. Ngược lại, kết luận là công trình đó không đủ tiêu chí của công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, nhưng đủ các yếu tố khác cấu thành tội phạm thì truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm tương ứng*”.

Ngày 14/9/2009, Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an có Công văn số 1269/ANĐT hướng dẫn xác định công trình quan trọng về an ninh quốc gia:

“a. Phải coi “công trình quan trọng về an ninh quốc gia” là “công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia”.

b. Để được coi là “công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia” thì công trình đó phải thuộc danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia do Chính phủ quy định. Trong trường hợp chưa được quy định trong danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia thì chỉ được coi là “công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia” khi có kết luận của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 126/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ.”

Hiện nay, Chính phủ đã ban hành một số quyết định về danh mục công

trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia như: QĐ số 99/QĐ-TTg ngày 20/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ v/v đưa công trình nhà máy thủy điện Hòa Bình vào công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; QĐ 1944/QĐ-TTg ngày 4/12/2017 về hệ thống truyền tải điện 500KV vào công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; QĐ 809/QĐ-TTg ngày 5/7/2018 đưa công trình Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Đài kiểm soát không lưu, Đài rada Tân Sơn Nhất vào công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia...do vậy, việc xác định công trình quan trọng liên quan về an ninh quốc gia hiện nay không còn vướng mắc lớn.

Các vụ án đã khởi tố theo Điều 231 Bộ luật Hình sự năm 1999 (chủ yếu là hành vi trộm cắp đường dây cáp viễn thông, thiết bị đường sắt) sau đó ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án trước khi Nghị định số 126/2008/NĐ-CP ban hành thì căn cứ các chính sách pháp luật hiện hành để áp dụng theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, thời hiệu được tính từ thời điểm xảy ra vụ án.

14. Đối với các vụ án tạm đình chỉ điều tra phát sinh trước thời điểm có hướng dẫn tại khoản 1 Điều 12 Thông tư liên tịch 13/2012/TTLT ngày 9/10/2012 của Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao về tách vụ án đối với từng đối tượng truy nã thì có cần phải bổ sung Quyết định tách vụ án và Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can không? *(Phú Thọ)*.

Giải đáp:

Khoản 1 Điều 12 Thông tư liên tịch số 13/2012/TTLT ngày 9/10/2012 hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật thi hành án hình sự về truy nã, quy định: *Đối với vụ án có nhiều bị can, trong đó có bị can bị truy nã thì trước khi kết thúc điều tra, Cơ quan điều tra ra Quyết định tách vụ án hình sự phần có liên quan đến hành vi của bị can bỏ trốn (nếu việc tách đó không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan và toàn diện của vụ án), khi đã hết thời hạn điều tra thì ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án phần có liên quan đến hành vi của bị can bỏ trốn và ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với bị can đang bị truy nã. Các bị can khác trong vụ án vẫn được kết luận điều tra, đề nghị truy tố theo quy định.*

Các vụ án tạm đình chỉ điều tra trước thời điểm có hướng dẫn tại khoản 1, Điều 12, Thông tư liên tịch 13/2012/TTLT ngày 9/10/2012 thì không cần bổ sung Quyết định tách vụ án và Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can. Tuy nhiên, nếu xác định có căn cứ phục hồi điều tra thì Cơ quan điều tra ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án đối với bị can và Quyết định phục hồi điều tra bị can và tiến hành giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố

tụng hình sự năm 2015 mặc dù trước đó không có Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can.

15. Hiểu thế nào là “hết thời hạn điều tra” trong trường hợp tạm đình chỉ do hết thời hạn điều tra nhưng chưa xác định được bị can, không biết rõ bị can ở đâu. Thời hạn này có bao gồm thời hạn gia hạn điều tra hay không? Hướng xử lý khi vụ án có nhiều bị can, có 1 bị can bỏ trốn nhưng các bị can còn lại có thể kết thúc điều tra trước khi hết thời hạn điều tra? (*Tuyên Quang*).

Giải đáp:

Thời hạn điều tra vụ án được quy định tại Điều 229 Bộ luật Tố tụng hình sự bao gồm thời hạn điều tra và thời hạn gia hạn điều tra. Trong thời hạn điều tra đó Cơ quan điều tra phải áp dụng mọi biện pháp điều tra theo quy định để giải quyết vụ án. Hết thời hạn điều tra nếu không kết thúc điều tra được vì các lý do luật định, Cơ quan điều tra ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can (nếu đã khởi tố bị can). Trường hợp không biết rõ bị can đang ở đâu, Cơ quan điều tra phải ra quyết định truy nã trước khi ra quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can.

Khi có kết luận giám định tư pháp xác định bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo thì có thể tạm đình chỉ điều tra trước khi hết thời hạn điều tra nếu không ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án.

Trong trường hợp vụ án có nhiều bị can trong đó có bị can bỏ trốn, mà Cơ quan điều tra đã hoàn tất việc điều tra đối với số bị can còn lại, thì Cơ quan điều tra có thể ra quyết định tách vụ án và kết thúc điều tra đề nghị truy tố đối với số bị can còn lại. Đối với vụ án đã tách, nếu hết thời hạn điều tra vẫn chưa bắt được bị can bỏ trốn thì ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can và Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can theo quy định chung.

III. Vướng mắc liên quan đến vụ việc, vụ án tạm đình chỉ

16. Hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về quy trình, thủ tục quản lý, xử lý vật chứng, đồ vật, tài sản tạm giữ trong những vụ án, vụ việc tạm đình chỉ điều tra (nhất là những vật chứng, đồ vật, tài sản tạm giữ chưa xác định được chủ sở hữu hoặc không rõ nguồn gốc), dẫn đến vật chứng đồ vật, tài sản tạm giữ của các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ tồn đọng, không xử lý được, gây quá tải kho vật chứng, nhiều vật chứng bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng (*Bắc Giang, Bình Dương, Kon Tum, Sơn La, Thái Bình, Huế, Hà Tĩnh*).

Giải đáp:

Điều 13 Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT quy định: “Việc quản lý, xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật, tài sản bị tạm giữ trong vụ án, vụ việc tạm đình chỉ

được thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 90 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự... ”. Đối với vụ án, vụ việc cụ thể phức tạp thì Cơ quan điều tra phối hợp, trao đổi với Viện kiểm sát cùng cấp để thống nhất biện pháp xử lý trước khi ra quyết định xử lý.

Theo đó, trong quá trình giải quyết nguồn tin về tội phạm, trong giai đoạn điều tra, pháp luật quy định Cơ quan điều tra quyết định xử lý vật chứng nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn điều tra; hoặc trong giai đoạn điều tra, cơ quan điều tra có quyền trả lại tài sản không phải là vật chứng; trả lại tài sản cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án; xử lý vật chứng thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản, vật chứng là động vật hoang dã.

Tuy nhiên, để giải quyết bất cập trong việc quản lý, xử lý vật chứng; đồ vật, tài sản thu giữ của các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ (cụ thể là những đồ vật, tài sản tạm giữ nhiều năm, xuống cấp, giảm giá trị...) thì Cơ quan điều tra trao đổi thống nhất với Viện kiểm sát cùng cấp giải quyết, xử lý; quyết định này là quyết định cá biệt.

17. Khoản 3 Điều 27 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: *thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được tính từ ngày tội phạm được thực hiện. Nếu trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, người phạm tội lại thực hiện hành vi phạm tội mới mà Bộ luật này quy định mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy trên 1 năm tù, thì thời hiệu đối với tội cũ được tính lại kể từ ngày thực hiện hành vi phạm tội mới.* Đối với các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ điều tra, chưa xác định được đối tượng, nay do hết thời hiệu phải ra Quyết định đình chỉ điều tra hoặc Quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Tuy nhiên, có trường hợp, bị can trong vụ án khác khai nhận đã gây ra vụ án, vụ việc mà Cơ quan điều tra đã ra Quyết định đình chỉ hoặc Quyết định không khởi tố (nêu ở trên) thì hướng xử lý, giải quyết thế nào? (*Lạng Sơn, Hà Nam*).

Giải đáp:

Trường hợp bị can trong vụ án khác khai nhận đã gây ra vụ án, vụ việc mà Cơ quan điều tra đã ra Quyết định đình chỉ điều tra (hoặc Quyết định không khởi tố vụ án hình sự) do hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì Cơ quan điều tra phải kiểm tra hồ sơ vụ án (vụ việc) xác định nếu người phạm tội đã thực hiện tội phạm mới mà Bộ luật hình sự quy định mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy trên một năm tù và thời điểm tội phạm mới xảy ra khi thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội cũ (đã ra Quyết định đình chỉ hoặc Quyết định không khởi tố) chưa hết thì Cơ quan điều tra hủy Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hoặc Quyết định không khởi tố vụ án hình sự và xử lý đồng thời hai hành vi phạm tội theo quy định của pháp luật.

Vi dụ. Ngày 01/01/2015, anh Nguyễn Văn A bị kẻ gian lấy trộm xe máy trị giá 10 triệu đồng. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự để điều tra, làm rõ; hết thời hạn điều tra, chưa xác định được đối tượng phạm tội nên đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án. Ngày 02/01/2020, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án do hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

Nay Cơ quan điều tra bắt giữ đối tượng Trần Văn C trong vụ án Trộm cắp xe máy xảy ra ngày 19/5/2017. Quá trình đấu tranh, Trần Văn C khai nhận và Cơ quan điều tra đã chứng minh được C là người thực hiện hành vi trộm xe máy của anh Nguyễn Văn A vào ngày 01/01/2015. Như vậy, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi trộm cắp của Trần Văn C vào ngày 01/01/2015 sẽ được tính lại từ ngày 19/5/2017 (ngày mà Trần Văn C phạm tội mới). Trong trường hợp này, Cơ quan điều tra phải hủy Quyết định đình chỉ điều tra vụ án và tiến hành điều tra, xử lý Trần Văn C về 2 vụ trộm cắp theo quy định của pháp luật.

18. Khoản 3 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT có quy định: *“quá trình điều tra chưa chứng minh, làm rõ được hành vi phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản nào của điều luật đó thì việc xác định thời hiệu căn cứ vào khung hình phạt trong cấu thành cơ bản của điều luật đó”*. Đề nghị hướng dẫn cụ thể về “khung hình phạt trong cấu thành cơ bản” theo quy định nêu trên (*Ninh Thuận*).

Giải đáp:

Cấu thành tội phạm cơ bản là cấu thành tội phạm chỉ có dấu hiệu định tội. Đó là cấu thành tội phạm bao gồm những dấu hiệu mô tả tội phạm và là cơ sở pháp lý cho việc định tội danh và phân biệt tội phạm này với tội phạm khác.

Khung hình phạt trong cấu thành cơ bản là khung hình phạt được quy định cho trường hợp phạm tội thông thường của một loại tội, không có các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự với tội danh đó. Thông thường, khung hình phạt trong cấu thành cơ bản thường được quy định tại khoản 1 của Điều luật đó. Trong một số trường hợp, khung hình phạt trong cấu thành cơ bản có thể quy định tại các khoản khác của Điều luật, ví dụ tội Giết người có khung hình phạt trong cấu thành cơ bản quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

19. Một số vụ việc, vụ án tạm đình chỉ điều tra với lý do chưa làm việc được với đối tượng bị tố giác, chưa xác định được bị can...nên chưa có căn cứ để xác định tính chất, hậu quả và phân loại tội phạm để xác định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT, những trường hợp nêu trên thì việc xác định thời hiệu căn cứ vào khung hình phạt trong

cấu thành cơ bản của Điều luật đó và Cơ quan điều tra đã ra Quyết định đình chỉ điều tra hoặc Quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Một thời gian sau, đối tượng tự thú và Cơ quan điều tra có căn cứ để làm rõ, xác định tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội, tội phạm chuyển sang khung tăng nặng và còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, tuy nhiên, trước đó đã ra Quyết định đình chỉ điều tra hoặc ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Trường hợp này xử lý như thế nào? (*Bến Tre, Thái Bình, Hà Nam, Hải Dương*).

Giải đáp:

Trong các vụ việc, vụ án trên, do chưa làm việc được với người bị tố giác, chưa xác định được bị can...nên chưa có căn cứ để xác định tính chất, hậu quả và phân loại tội phạm (thuộc loại tội phạm nào) để xác định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự ra Quyết định đình chỉ điều tra hoặc Quyết định không khởi tố vụ án hình sự căn cứ vào khung hình phạt trong cấu thành cơ bản tại thời điểm ra quyết định là phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sau đó đã làm rõ, xác định tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội cũng như nhân thân của người phạm tội, phân loại tội phạm nặng hơn và xác định còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, thì Cơ quan điều tra hủy Quyết định đình chỉ điều tra hoặc hủy Quyết định không khởi tố vụ án để xử lý theo quy định của pháp luật.

Ví dụ: Ngày 01/6/2015, ông Huỳnh Văn A bị một đối tượng dùng hung khí đánh, kết quả giám định thương tích của ông Huỳnh Văn A là 15%. Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án Cố ý gây thương tích để điều tra nhưng hết thời hạn điều tra chưa xác định được đối tượng phạm tội, đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án. Đến ngày 02/6/2020, Cơ quan điều tra ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án do hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tháng 8/2020, Cơ quan điều tra làm rõ, xác định được đối tượng Lê Văn B là người đánh ông Huỳnh Văn A vào ngày 01/6/2015, Lê Văn B được đối tượng Đặng Văn C thuê đánh ông Huỳnh Văn A để dấn mặt do Đặng Văn C có mâu thuẫn với ông Huỳnh Văn A. Như vậy, hành vi của đối tượng Lê Văn B, Đặng Văn C phạm tội Cố ý gây thương tích theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự, là tội phạm nghiêm trọng với thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là 10 năm. Trong trường hợp này, Cơ quan điều tra phải ra Quyết định hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra vụ án và tiến hành điều tra, xử lý Lê Văn B, Đặng Văn C theo quy định của pháp luật.

20. Theo quy định tại khoản 5 Điều 5; khoản 7 Điều 6; khoản 8 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT quy định các vụ việc, vụ án sau khi tạm đình chỉ giải quyết, tạm đình chỉ điều tra, Cơ quan có thẩm quyền điều tra và Viện kiểm sát chỉ áp dụng các biện pháp để giải quyết lý do tạm đình chỉ. Tuy

nhiên, trên thực tế, một số vụ án, vụ việc đang tạm đình chỉ thì phát sinh thêm các tình tiết, tài liệu, chứng cứ mới nhưng không liên quan đến các căn cứ tạm đình chỉ. Đề nghị liên ngành có hướng dẫn về trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ mới đối với trường hợp trên (*Hà Nội*).

Giải đáp:

Về nguyên tắc, khi vụ án, vụ việc tạm đình chỉ thì phải tạm dừng các hoạt động điều tra thu thập chứng cứ, tài liệu. Sau khi ra quyết định tạm đình chỉ, Cơ quan điều tra chỉ thực hiện các biện pháp: (1) Áp dụng các biện pháp để giải quyết lý do tạm đình chỉ, như: văn bản đôn đốc cơ quan, tổ chức giám định, Hội đồng định giá tài sản sớm có kết luận; đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao có Công hàm đôn đốc cơ quan chức năng của nước ngoài trả lời Yêu cầu tương trợ tư pháp của Việt Nam. (2) Áp dụng biện pháp nghiệp vụ cần thiết để truy bắt bị can bị truy nã hoặc để làm rõ đối tượng gây án, truy tìm và thu giữ vật chứng.

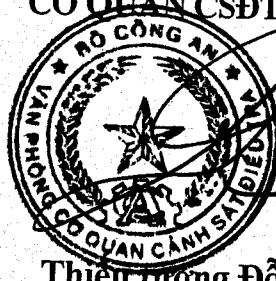
Trên đây là nội dung giải đáp vướng mắc trong quá trình giải quyết các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ, vụ việc tạm dừng giải quyết và liên quan đến việc thực hiện Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT, Văn phòng Cơ quan CSĐT Bộ Công an và Vụ 4 - Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo để các đơn vị, địa phương thực hiện. /x *unhox*

VỤ TRƯỞNG VỤ 4
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Nguyễn Văn Hải

Nguyễn Văn Hải

CHÁNH VĂN PHÒNG
CƠ QUAN CSĐT BỘ CÔNG AN



Thiếu tướng Đỗ Văn Hoàn

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Tô Lâm, Bộ trưởng Bộ Công an (để b/c);
- Đ/c Lê Minh Trí, Viện trưởng VKSNDTC (để b/c);
- Đ/c Lê Quý Vương, Thứ trưởng BCA (để b/c);
- Đ/c Nguyễn Duy Ngọc, Thứ trưởng BCA (để b/c);
- Đ/c Nguyễn Huy Tiến, PVT thường trực VKSNDTC (để b/c);
- C02, C03, C04, C05, C07, C08, C10, A09 Bộ Công an (để biết);
- Vụ 1, Vụ 2, Vụ 3, Vụ 4, Vụ 5, Vụ 14, Cục 1 VKSNDTC (để biết)
- Lưu: VPCQCSĐT (VT, P3), VKSNDTC (VT, Vụ 4).

